

Bản án số: **102** /2020/HS-ST
Ngày 22 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan

Ông Ngô Văn Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 102/2020/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Thân Văn N**, sinh năm 1959, giới tính: Nam. Tên gọi khác: không. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12. Bố đẻ: Thân Văn T (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị S (đã chết). Anh, chị em ruột: Gia đình có 8 anh em, bị cáo là con thứ tám. Vợ: Trần Thị N, Nguyễn Thị H (đều đã ly hôn). Bị cáo có 4 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1989.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 750/CT ngày 15/9/1997, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng.

+ Tại Quyết định số 814/QĐ-CT ngày 18/7/2000, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng.

+ Tại Bản án số 47/HSST ngày 21/1/2003, Tòa án thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 184/HSST ngày 30/9/2004, Tòa án thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Tại Bản án số 40/HSST ngày 11/4/2008, Tòa án thành phố B xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Tại Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 26/7/2011, Chủ tịch UBND thành phố B quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 12 tháng.

- Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Công ty cổ phần T (Vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Nhà B10A, khu Đô thị N, đường N, phường T, quận C, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T - sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn S, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, Thân Văn N, sinh năm 1959, trú tại Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, điều khiển xe mô tô đeo biển kiểm soát 98L3-7434 kéo theo một xe cải tiến, mang theo một chiếc kim băng sắt, một chiếc xà cày bằng sắt từ nhà đi đến công trình xây dựng khu ẩm thực của Công ty cổ phần T tại số nhà 108, đường H, phường Đ, thành phố B để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, quan sát công trình không có người trông coi, N cầm theo xà cày và kim trèo dàn giáo gỗ ở trước cửa công trình lên tầng 2 rồi đi vào phía trong nhà sau đó theo lối cầu thang bộ lên tầng ba. Tại đây thấy có nhiều tấm tôn màu xanh dùng để lợp mái xếp đè lên nhau, N dùng xà cày và kim tháo các ốc vít liên kết giữa các tấm ra rồi nhặt dây thừng có sẵn tại đó buộc cuộn tròn từng tấm tôn lại. N buộc được tổng cộng 4 tấm tôn sau đó lần lượt bê từng tấm tôn ra ngoài ban công tầng ba rồi thả rơi xuống dưới mặt đất. N đi xuống tầng hai bằng cầu thang bộ rồi trèo dàn giáo ra ngoài. N bê 4 tấm tôn vừa trộm cắp được lên xe cải tiến rồi chở đi tìm nơi tiêu thụ. Khi N đi đến khu vực trước cửa số nhà 25, đường H, thành phố B thì bị Tổ công tác Công an phường Đ phát hiện kiểm soát thu giữ vật chứng bao gồm: 01 mô tô đeo biển kiểm soát 98L3-7434 kéo theo một xe cải tiến, 04 tấm tôn Úc sắc Việt một mặt màu xanh một mặt màu trắng đều có kích thước (5,7x1,087)m, 01 chiếc kim băng kim loại màu xám.

Ngày 21/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Thân Văn N.

Ngày 21/4/2020, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần T là ông Nguyễn Xuân Tình có đơn trình báo Công an thành phố B. Ông T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xà cây ông tìm thấy tại hiện trường.

Ngày 23/4/2020, Cơ quan điều tra xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả Thân Văn N thực hiện thành thực hành vi trộm cắp tài sản như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 252/KL-HĐĐG ngày 21/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 04 tấm tôn Úc sắc Việt, có kích thước (5,7x1,08)m, có trị giá $95.000 \text{ đồng/1m}^2 \times (5,7 \times 1,08\text{m}) \times 4 = 2.339.280 \text{ đồng}$.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty cổ phần T tài sản bị trộm cắp. Đến nay Công ty cổ phần T không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô đeo biển kiểm soát 98L3-7434, N khai nhận mua của một người không nhớ tên tuổi địa chỉ cụ thể, khi mua có nhận được đăng ký nhưng đã làm mất. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên có số khung VAVDCG012AV007912, số máy IP50FMG320230572 không có trong dữ liệu đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Đối với biển kiểm soát 98L3-7434, Cơ quan điều tra đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, Thân Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Thân Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Thân Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Thân Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Thân Văn N từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/4/2020. Miễn phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 kim băng kim loại màu xám 01 chiếc xà cày màu xám.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô có số khung VAVDCG012AV007912 số máy IP50FMG32023057 kéo theo một xe ba gác

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 21/4/2020, tại công trình xây dựng khu ẩm thực của Công ty cổ phần T tại số nhà 108, đường H, phường Đ, thành phố B, Thân Văn N đã có hành vi trộm cắp của Công ty cổ phần T 04 tấm tôn Úc sắc Việt có tổng trị giá là 2.339.280 đồng.

Bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của Công ty cổ phần T, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Không

Bị cáo có nhân thân xấu: Nhiều lần bị xét xử và nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa cho bản thân chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do vậy cần áp dụng tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Công ty cổ phần T do ông Nguyễn Xuân T đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra Công ty xác định đã nhận lại tài sản không đề nghị gì do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[5] Về vật chứng: 01 kim băng kim loại màu xám 01 chiếc xà cày màu xám không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

01 xe mô tô có số khung VAVDCG012AV007912 số máy IP50FMG32023057 kéo theo một xe ba gác là tài sản sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với biên kiểm soát 98L3-7434, Cơ quan điều tra đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ

[6] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thân Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo **Thân Văn N 01** (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/4/2020

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 kim băng kim loại màu xám 01 chiếc xà cày màu xám

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô có số khung VAVDCG012AV007912 số máy IP50FMG32023057 kéo theo một xe ba gác.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo;

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương